

Số: 70 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2018

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai chương trình mục tiêu phát triển**  
**Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2018-2020**

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp - nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2018 - 2020 như sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

- Quản lý bảo vệ, phát triển sử dụng rừng có hiệu quả và bền vững diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện có theo mục tiêu quy hoạch và quy chế quản lý rừng; thúc đẩy sinh trưởng, nâng cao chất lượng và giá trị đa dạng của rừng; nhằm đảm bảo chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần giảm nghèo và đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn vùng rừng.

- Ưu tiên bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ hiện có nhằm bảo tồn các nguồn gen động, thực vật rừng và phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng; nâng cao chất lượng và giá trị các loại rừng; giảm thiểu các vi phạm vào tài nguyên rừng.

- Đảm bảo có sự tham gia của các thành phần kinh tế và tổ chức xã hội vào các hoạt động lâm nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp dịch vụ môi trường rừng, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho người dân vùng rừng và góp phần giữ vững an ninh quốc phòng.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Duy trì độ che phủ rừng ở mức 12%.

- Tỷ trọng GRDP lâm nghiệp đạt 1,2%/năm.

- Năng suất rừng trồng đạt bình quân 80m<sup>3</sup>/ha
- Duy trì ổn định việc làm, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng, gắn với xây dựng nông thôn mới.

## **II. NHIỆM VỤ**

### **1. Bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng**

- Bảo vệ tốt 54.461 ha diện tích rừng hiện có (gồm 42.748,2 ha rừng tự nhiên, 11.712,8 ha rừng trồng). Phân theo quy hoạch 3 loại rừng gồm rừng đặc dụng 32.213,57 ha, rừng phòng hộ 20.495,84 ha, rừng sản xuất 1.751,59 ha.
- Giao khoán bảo vệ rừng: Bình quân mỗi năm 12.000 ha.
- Khoanh nuôi tái sinh rừng: 1.500 ha.
- Trồng rừng: 5.000 ha (trong đó: Trồng rừng mới 1.000 ha, trồng lại rừng sau khai thác 5.000 ha).
- Trồng cây phân tán: Bình quân mỗi năm trồng 500 nghìn cây lâm nghiệp.
- Xây dựng 03 vườn ươm cây giống với tổng diện tích 12,7 ha.
- Xây dựng trạm bảo vệ rừng: 08 trạm.
- Xây dựng tháp canh lửa: 10 cái.
- Sửa chữa, nạo vét kênh mương, nâng cấp hệ thống đê bao: 40 km.

### **2. Phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng rừng**

- Quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ và rừng đặc dụng hiện có.
- Hình thành mạng lưới sản xuất và cung ứng giống theo hướng xã hội hóa với nhiều thành phần kinh tế tham gia dưới sự quản lý, giám sát chặt chẽ về chất lượng giống của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện.

- Đưa tỷ lệ giống cây trồng lâm nghiệp được kiểm soát về chất lượng vào trồng rừng đạt 60-80% vào năm 2020 (trong đó cây giống được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô chiếm 20%), đảm bảo cung ứng đủ giống có chất lượng, góp phần tăng năng suất rừng trồng vào năm 2020 đạt từ 20% trở lên. Nâng cao năng suất rừng trồng để đạt năng suất bình quân 15m<sup>3</sup>/ha/năm với trữ lượng gỗ trên 100m<sup>3</sup>/ha chu kỳ bình quân 6 năm.

- Rà soát, quy hoạch cơ sở chế biến gỗ và lâm sản trên địa bàn tỉnh, xây dựng và triển khai Đề án quy hoạch chế biến gỗ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ theo từng vùng trên địa bàn tỉnh, gắn với quy hoạch trồng rừng nguyên liệu để đảm bảo hiệu quả đầu tư và ổn định lâu dài.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Chương trình phát triển rừng sản xuất làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ tỉnh Kiên Giang.

### **3. Khai thác gỗ và lâm sản**

Khai thác rừng: Hàng năm tiến hành khai thác 30% trên tổng diện tích rừng sản xuất đến tuổi khai thác và 20% trên tổng diện tích rừng phòng hộ môi trường đến tuổi khai thác.

#### **4. Các hoạt động khác**

- Nâng cao tỷ lệ sử dụng gỗ nguyên liệu trong tỉnh, khuyến khích dùng gỗ rừng trồng, giảm dần tỷ lệ gỗ nguyên liệu nhập khẩu trong nước dùng cho công nghiệp chế biến gỗ.

- Quy hoạch liên khu giữa vùng nguyên liệu và các cơ sở chế biến, dịch vụ về rừng. Thực hiện liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế, giữa các công ty lâm nghiệp và hộ gia đình, giữa các hộ gia đình nhằm tạo ra vùng nguyên liệu tập trung, ổn định, có năng suất và chất lượng cao. Chế biến, tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị rừng trồng.

- Tổ chức các hộ nông dân liên kết hợp tác trồng rừng theo kế hoạch của các Ban Quản lý rừng trên cơ sở hài hòa giữa lợi ích của hộ gia đình và kế hoạch chung của nhà nước.

- Thực hiện rà soát, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân làm nghề rừng. Trên cơ sở vùng sản xuất hàng hóa tập trung đã được tỉnh quy hoạch, hướng dẫn người dân thực hiện theo đúng quy hoạch đồng thời tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong quá trình thực hiện.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức**

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến mọi tầng lớp nhân dân được biết, hiểu và thực hiện Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành lâm nghiệp nói riêng và ngành nông nghiệp nói chung, bằng nhiều hình thức như: Lồng ghép tuyên truyền qua các buổi hội nghị, tọa đàm, hội thảo, tập huấn, trên sóng phát thanh.

- Tuyên truyền thông qua các hình thức như: Tham quan học tập mô hình, trao đổi, hội thảo, nhân rộng các mô hình thành công, hiệu quả tới nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp về sự cần thiết phải liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi, thay đổi nhận thức về tái cơ cấu, hội nhập thị trường.

#### **2. Quản lý quy hoạch đất lâm nghiệp**

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, quản lý quy hoạch ngành theo hướng phát huy lợi thế sản phẩm của từng vùng, nâng cao chất lượng hiệu quả, quản lý tốt tài nguyên đất đai và phát triển an toàn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng, xác định để duy trì hợp lý diện tích rừng phòng hộ, chuyển một phần diện tích rừng phòng hộ môi trường sang rừng sản xuất để phát triển vùng rừng nguyên liệu tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến gỗ.

Tiếp tục tổ chức thực hiện Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020.

### **3. Bảo vệ rừng**

Quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích đất có rừng, bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng thuộc rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất; giao khoán, bảo vệ rừng đối với diện tích đất có rừng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất.

### **4. Giao, cho thuê rừng**

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất.

- Tập huấn, huấn luyện kỹ thuật, nghiệp vụ bảo vệ rừng và các nội dung liên quan cho các lực lượng chuyên ngành, chủ rừng và các tổ đội quần chúng bảo vệ rừng địa phương cơ sở.

- Xây dựng hệ thống hồ sơ và cơ sở dữ liệu về giao rừng cho thuê rừng cho các chủ rừng để quản lý và cập nhật. Quản lý hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng và gây trồng rừng một cách hệ thống từ tỉnh đến huyện, xã.

- Xây dựng Quy ước bảo vệ và phát triển rừng ở cộng đồng dân cư thôn, trong đó có quy định quyền lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân khi tham gia bảo vệ rừng trước mắt cũng như lâu dài.

### **5. Khoa học, công nghệ và khuyến lâm**

- Phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, các trường đại học, các doanh nghiệp, các nhà khoa học đưa nhanh tiến bộ khoa học công nghệ vào các khâu: Nghiên cứu, chọn tạo giống, áp dụng quy trình canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến theo hướng công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp khoa học công nghệ nông nghiệp được hưởng tối đa các ưu đãi, hỗ trợ khi đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, tham gia liên kết sản xuất quy mô lớn, hình thành vùng nguyên liệu, bao tiêu sản phẩm đầu ra, ứng dụng công nghệ, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp.

- Khuyến khích, tạo thuận lợi để doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo thực hiện hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của doanh nghiệp. Mở rộng hình thức đào tạo nghề gắn với chuyên giao công nghệ mới, chuyên giao kỹ thuật và quy trình sản xuất mới cho nông dân.

### **6. Về thị trường**

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, bảo vệ thị trường nội địa, phát triển thị trường xuất nhập khẩu lâm sản phù hợp với quy định pháp luật.

- Khuyến khích tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, đảm bảo hài hòa lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng; tạo động lực thị trường, thúc đẩy sản xuất lâm nghiệp trong tình phát triển.

- Khuyến khích người dân mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ; hỗ trợ xúc tiến thương mại; xây dựng các vùng trồng rừng sản xuất chuyên canh quy mô lớn.

- Phát triển và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất trên cơ sở triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch liên kết “bốn nhà” với mục tiêu gắn kết chặt chẽ sản xuất với thị trường, sản xuất sạch và thân thiện với môi trường; tăng cường vận động tuyên truyền tổ chức lại sản xuất và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất theo hình thức trang trại, gia trại, tổ hợp tác, tiến đến thành lập các Hợp tác xã kiểu mới, từng bước tổ chức lại theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, khắc phục trình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, cá thể.

## **7. Hợp tác quốc tế**

- Chủ động hội nhập, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế. Xây dựng quan hệ đối tác, dựa trên tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tổ chức thu hút viện trợ công nghệ và đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh tiếp thị thương mại, mở rộng thị trường quốc tế.

- Tổ chức quản lý, thực hiện tốt các dự án hợp tác quốc tế đã và đang đầu tư trên địa bàn tỉnh: Tổ chức GIZ, tổ chức ngân hàng thế giới WorldBank... tạo sự tin cậy cho các nhà đầu tư quốc tế.

- Kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài trong đầu tư phát triển rừng theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế. Chú trọng đến ưu đãi đầu tư đối với các nhà đầu tư chế biến lâm sản, nhất là các sản phẩm lâm sản có giá trị cao, đầu tư xây dựng hệ thống đê biển gắn với trồng rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

## **IV. NHU CẦU VỐN**

### **1. Tổng dự toán nhu cầu vốn**

Theo Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kiên Giang và kế hoạch vốn trung hạn đã được Chính phủ phê duyệt, tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020 là 730 tỷ đồng. Trong đó: Vốn ngân sách: 342 tỷ đồng; vốn khác: 388 tỷ đồng.

### **2. Cơ chế quy động vốn**

Huy động và gắn kết các nguồn lực, lồng ghép các kế hoạch, chương trình, dự án; quản lý vận hành cấu trúc tài chính mới; lồng ghép kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2018-2020 với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Tranh thủ các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cấp thông qua các dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2020; các dự án đầu tư trang bị, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và bảo vệ rừng; vốn ngân sách cho giao khoán bảo vệ rừng đối với các lâm phần ổn định, khoanh nuôi tái sinh, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng,...

- Vốn theo nguồn Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu, vốn vay ưu đãi, hỗ trợ quốc tế cho ngành lâm nghiệp giai đoạn 2015-2020.

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, đồng thời cân đối với các nguồn ngân sách nhà nước, ODA, ngoài ngân sách để sử dụng một cách có hiệu quả nhằm thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm.

- Vốn doanh nghiệp, vốn tín dụng, từ các tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển sản xuất; các nguồn vốn khác để trồng rừng sản xuất, chế biến lâm sản...

- Nguồn vốn khác như: Chi trả dịch vụ môi trường rừng, vốn doanh nghiệp, vốn tín dụng, từ các tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển sản xuất; các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Lập kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2018-2020. Phối hợp với các Sở, ban, ngành, lực lượng vũ trang và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có rừng...triển khai thực hiện. Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tổ chức, thực hiện tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp; theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ và phát triển rừng, đồng thời báo cáo định kỳ để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn hàng năm, kịp thời thanh quyết toán, giải ngân các công trình được phê duyệt...đảm bảo đúng tiến độ.

### **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đối với các tổ chức, cá nhân..; xây dựng các chính sách về đất đai.

### **4. Sở Nội vụ**

Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án kiện toàn, sắp xếp lại hệ thống tổ chức của các đơn vị thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng.

### **5. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

Chỉ đạo các đơn vị liên quan, phối hợp với Chi cục Kiểm lâm xây dựng quy chế phối hợp để thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ và phòng chống chặt phá rừng; phối hợp và hỗ trợ thường xuyên với lực lượng Kiểm lâm trong việc điều tra, triệt phá các đối tượng, đường dây buôn bán, tàng trữ, vận chuyển lâm sản trái phép; kiên quyết ngăn chặn triệt để và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đến tài nguyên rừng.

## **6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao mà chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn quản lý.

## **7. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan**

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

## **8. Các chủ rừng**

Tổ chức xây dựng kế hoạch hằng năm của đơn vị mình trên cơ sở khối lượng, hạng mục công việc đã điều chỉnh, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện nhằm quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp đạt hiệu quả.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện; báo cáo UBND tỉnh./.

*Dad*

### **Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, cvquoc (01b).



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*huu*  
**Mai Anh Nhịn**